

Số: 5530/BTC-HCSN
V/v Báo cáo tình hình thực hiện
chính sách khuyến khích XHH

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2016

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (Nghị định 69) và số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 về danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (Quyết định 1466) và số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định 1466.

Theo quy định tại Khoản 10 Điều 18 Chương V Nghị định 69: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *"Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa của địa phương theo từng lĩnh vực vào tháng 1 hàng năm và gửi các Bộ quản lý chuyên ngành để tổng hợp gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ"*. Tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính chưa nhận được báo cáo của Quý Ủy ban về nội dung này. Vì vậy, để có cơ sở tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, đề xuất các chính sách sửa đổi bổ sung nhằm tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chế độ thông tin báo cáo hàng năm theo đúng quy định tại Nghị định 69.

Riêng đối với tình hình triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa tính đến thời điểm cuối năm 2015, đề nghị Quý Ủy ban gửi báo cáo về Bộ Tài chính trước ngày 30/5/2016.

(Đề cương nội dung báo cáo theo phụ lục đính kèm)

Rất mong nhận được sự quan tâm phối hợp của Quý Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, Vụ HCSN.

(70b)



Huỳnh Quang Hải

**Đề cương nội dung báo cáo về tình hình thực hiện chính sách khuyến
khích xã hội hóa**

(Kèm theo công văn số 5530/BTC-HCSN ngày 25/4/2016 của Bộ Tài chính)

1. Công tác ban hành văn bản:

- Quy hoạch, kế hoạch mạng lưới phát triển các cơ sở hoạt động trong từng lĩnh vực quản lý: Ủy ban đã ban hành văn bản chưa (Nêu tên, số ngày Quyết định cụ thể).

- Việc ban hành các chế độ ưu đãi cụ thể tại địa phương: Ủy ban đã ban hành văn bản chưa (Nêu tên, số ngày văn bản cụ thể).

2. Tình hình thực hiện:

- Số lượng các dự án đầu tư vào lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa được thành lập, cấp giấy phép hoạt động kể từ ngày Nghị định 69 có hiệu lực thi hành (chia theo từng nhóm lĩnh vực).

- Tổng số kinh phí đã bố trí để triển khai thực hiện nhiệm vụ giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa (chi tiết theo nguồn hỗ trợ có mục tiêu của Ngân sách trung ương và nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số đã được để lại và nguồn Ngân sách địa phương).

- Quy mô hoạt động của các Dự án đã cấp phép.

- Báo cáo số liệu theo Phụ lục đính kèm.

3. Về công tác kiểm tra giám sát:

- Ủy ban có kế hoạch thực hiện kiểm tra giám sát các cơ sở xã hội hóa hàng năm không.

- Số lượng các cơ sở vi phạm, không đạt tiêu chí tiêu chuẩn so với quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Đề xuất, kiến nghị.

- Các nội dung cần sửa đổi tại Nghị định 69 và Nghị định 59 (đề nghị nêu cụ thể lý do).

- Các nội dung cần sửa đổi tại Quyết định 1466 và Quyết định 693 (đề nghị nêu cụ thể lý do).

- Giải pháp thúc đẩy thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp công giai đoạn 2016-2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI HÓA

(Theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008)

STT	LOẠI HÌNH XÃ HỘI HÓA	Số lượng dự án đã được cấp phép	Số lượng dự án đã đưa vào hoạt động	Kinh phí đầu tư bố trí cho dự án (tỷ đồng)	Diện tích đất (m ²)	Quy mô hoạt động (sinh viên, giường bệnh, tấn rác/năm...)	Kinh phí NSNN hỗ trợ công tác GPMB (tỷ đồng)
Tổng cộng							
I	LĨNH VỰC GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ						
<i>I.1</i>	<i>Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo</i>						
1	Trường Mầm non						
2	Trường Tiểu học						
3	Trường Trung học cơ sở						
4	Trường Trung học phổ thông						
5	Trường Đại học						
<i>I.2</i>	<i>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</i>						
6	Trường Cao đẳng						
7	Trường Trung cấp chuyên nghiệp						
8	Cao đẳng nghề						
9	Trung cấp nghề						
10	Trung tâm dạy nghề						
II	LĨNH VỰC Y TẾ						
1	Cơ sở khám, chữa bệnh						
2	Cơ sở y tế dự phòng						
3	Cơ sở vệ sinh an toàn thực phẩm, dược và mỹ phẩm						
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA THỂ DỤC THỂ THAO						
<i>III.1</i>	<i>Lĩnh vực Văn hóa</i>						
<i>III.2</i>	<i>Lĩnh vực thể thao</i>						
IV	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG						